

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 28

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Ngô Tấn Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Lương Minh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Lâm	Thành viên
Ông Võ Hòa	Thành viên
Ông Phạm Phong	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Minh Hoài	Trưởng ban
Bà Lê Thị Minh Chính	Thành viên
Bà Phan Thị Thanh Lý	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Lương Minh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Sĩ Huân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Dương Long	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Lương Minh

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Số: 06/BCKT/2020-RSMMT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là "Văn phòng Công ty"), được lập ngày 14/02/2020 từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại mục 3.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty quyết định hồi tố một số khoản mục của Báo cáo tài chính năm 2018 do thay đổi phương pháp tính khấu hao các tài sản cố định thuộc dự án Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 từ phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm sang phương pháp khấu hao theo đường thẳng.



Trần Dương Nghĩa
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Chi nhánh Miền Trung

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Kim Văn Việt
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1486-2018-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.679.340.947	19.494.845.420
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	16.715.391.062	10.442.060.059
1. Tiền	111		481.483.291	221.001.040
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.233.907.771	10.221.059.019
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	5.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		618.271.255	792.069.454
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	239.429.800	455.154.100
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	378.841.455	336.915.354
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.345.678.630	8.260.715.907
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.5	118.108.952	25.300.641
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.560.750.656	8.232.151.589
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.6	1.666.819.022	3.263.677
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		522.278.044.714	547.754.837.612
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.140.510.741	16.221.507.972
1. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
2. Phải thu nội bộ dài hạn	214		17.140.510.741	16.221.507.972
II. Tài sản cố định	220		496.185.917.212	526.004.036.244
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	491.146.945.250	521.130.349.608
Nguyên giá	222		645.800.366.895	650.607.432.626
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(154.653.421.645)	(129.477.083.018)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	5.038.971.962	4.873.686.636
Nguyên giá	228		5.099.053.349	4.926.567.289
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.081.387)	(52.880.653)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.482.203.272	4.194.367.685
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	6.482.203.272	4.194.367.685
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.469.413.489	1.334.925.711
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.5	2.469.413.489	1.334.925.711
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		554.957.385.661	567.249.683.032

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		201.553.878.728	227.745.482.266
I. Nợ ngắn hạn	310		26.597.945.198	54.293.946.257
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	687.165.208	19.948.909.793
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.6	31.421.940	368.348.477
3. Phải trả người lao động	314		2.153.467.810	8.894.780.837
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	863.606.321	340.855.636
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	2.812.200.388	6.086.124.073
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.13	17.247.328.225	17.154.169.454
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.802.755.306	1.500.757.987
II. Nợ dài hạn	330		174.955.933.530	173.451.536.009
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.13	174.955.933.530	173.451.536.009
2. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		353.403.506.933	339.504.200.766
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	353.403.506.933	339.504.200.766
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		333.398.910.000	303.110.660.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		333.398.910.000	303.110.660.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(35.000.000)	(35.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.131.301.456	1.131.301.456
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.908.295.477	35.297.239.310
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		377.989.310	8.575.585.718
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.530.306.167	26.721.653.592
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		554.957.385.661	567.249.683.032



Nguyễn Lương Minh
 Tổng Giám đốc
 Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Đặng Thị Thu Nga
 Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 02 - DN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.1	465.564.094	673.096.883
7. Chi phí tài chính	22	5.2	7.592.694	93.008.442
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		5.620.000	93.000.674
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.3	9.654.826.098	10.590.080.280
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.196.854.698)	(10.009.991.839)
11. Thu nhập khác	31	5.4	4.379.399.060	89.420.519
12. Chi phí khác	32	5.5	4.375.595.060	6.791.170
13. Lợi nhuận khác	40		3.804.000	82.629.349
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(9.193.050.698)	(9.927.362.490)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	590.114.668	1.934.094.371
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(9.783.165.366)	(11.861.456.861)



Nguyễn Lương Minh
 Tổng Giám đốc
 Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Đặng Thị Thu Nga
 Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(9.193.050.698)	(9.927.362.490)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		63.735.351	40.547.421
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		372.862	7.768
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(463.964.262)	(761.853.592)
Chi phí lãi vay	06		5.620.000	93.000.674
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(9.587.286.747)	(10.555.660.219)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		52.215.348.703	58.137.588.217
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(9.533.686.337)	(886.956.341)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.227.296.089)	(1.122.315.094)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.620.000)	(248.714.603)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.602.441.565)	(2.035.019.697)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		40.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.369.002.681)	(3.132.117.991)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.930.015.284	40.156.804.272
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.557.931.252)	(11.704.798.082)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	88.788.819
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(5.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		394.829.641	676.513.579
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.163.101.611)	(10.939.495.684)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	30.351.725.728	53.790.728.551
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(28.754.169.436)	(57.123.426.922)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(90.766.100)	(29.487.049.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.506.790.192	(32.819.748.271)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		6.273.703.865	(3.602.439.683)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.442.060.059	14.044.507.510
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		(372.862)	(7.768)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		16.715.391.062	10.442.060.059



Nguyễn Lương Minh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Đặng Thị Thu Nga
Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Ban quản lý Dự án các Công trình Thủy điện vừa và nhỏ. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001787 ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 08 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 11 tháng 09 năm 2019 với mã số doanh nghiệp là 0400599162.

Công ty đã được chấp thuận giao dịch cổ phiếu niêm yết trên thị trường HNX tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 828/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PIC. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán PIC là ngày 09 tháng 01 năm 2017 (theo sự chấp thuận của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại thông báo số 1356/TB-SGDHN ngày 27 tháng 12 năm 2016).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 333.398.910.000 VND được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Điện lực Miền trung	Việt Nam	246.989.600.000	74,08	224.536.000.000	74,08
Các cổ đông khác		86.409.310.000	25,92	78.574.660.000	25,92
Cộng		333.398.910.000	100,00	303.110.660.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính

Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện. Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao cho các công trình giao thông, công nghiệp. Xây dựng và kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê. Xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, bưu chính viễn thông, đường dây truyền tải và phân phối điện, trạm biến thế, công trình cấp thoát nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, lập thiết kế và giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, lưới điện;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo nghề ngắn hạn;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép, thang máy, hệ thống điều hòa, thông gió, thiết bị phòng cháy, cấp thoát nước, đường ống công nghệ và áp lực, thiết bị điện lạnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị phục vụ cho xây dựng, vật tư, thiết bị điện;
- Khai thác thủy sản nội địa. Chi tiết: Khai thác thủy sản lồng hồ gắn liền với các công trình thủy điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 02 đơn vị trực thuộc là: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại KonTum (địa chỉ: Thôn Măng Đen, Xã Đăk Lông, Huyện Kon Plong, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam) và Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại Quảng Trị (địa chỉ: Thôn Húc Nghi, Xã Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, ngoại trừ chính sách khấu hao tài sản cố định đối với tài sản là máy móc thiết bị

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

và thiết bị vận chuyển đường ống của Nhà máy Thủy điện Đa Krông 1 thay đổi từ phương pháp trích khấu hao theo sản lượng sang phương pháp trích khấu hao đường thẳng và được hồi tố lại số liệu báo cáo tài chính năm 2018 như mô tả tại mục 9.

3.2. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.5. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2019

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 50 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 05 – 20 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 30 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 năm |

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính nếu chưa có quyết toán được phê duyệt khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Công ty chủ yếu là chi phí lãi vay ước tính, chi phí trích trước cho Nhà máy thủy điện Đakrông 1 và Dự án Biệt thự PC3-INVEST, Công ty trích trước trên cơ sở hợp đồng.

3.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

3.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Thu nhập từ bán điện thương phẩm phát từ Nhà máy Thủy điện Đắc Pônê Tỉnh Kon Tum áp dụng mức thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2010 đến năm 2024); được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022) cho Dự án Đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Những ưu đãi này được quy định trong Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính.
- Hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các báo cáo thuế của Văn phòng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương tiền**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	78.075.845	17.281.588
Tiền gửi ngân hàng	403.407.446	203.719.452
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	16.233.907.771	10.221.059.019
Cộng	16.715.391.062	10.442.060.059

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công ty TNHH Kỹ thuật ứng dụng VN	-	164.889.600
Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng điện 3	232.000.000	-
Các đối tượng khác	7.429.800	145.398.000
Trả trước cho người bán là bên liên quan - Xem thêm mục 7	-	144.866.500
Cộng	239.429.800	455.154.100

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	-	-	43.351.000	-
Lãi dự thu	76.763.375	-	7.628.754	-
Phải thu khác	302.078.080	-	285.935.600	-
Cộng	378.841.455	-	336.915.354	-

4.5. Chi phí trả trước

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Chi phí thuê văn phòng	54.000.000	-
Chi phí kiểm định, bảo hiểm xe và các chi phí khác	64.108.952	25.300.641
Cộng	118.108.952	25.300.641
Dài hạn:		
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	138.460.607	217.571.387
Chi phí không hình thành TSCĐ và chi phí khác	2.330.952.882	1.117.354.324
Cộng	2.469.413.489	1.334.925.711

4.6. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2019		Trong năm		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp /khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	3.263.677	-	236.824.948	236.824.948	3.263.677	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.663.555.345	-	590.114.668	2.602.441.565	-	348.771.552
Thuế thu nhập cá nhân	-	31.421.940	1.478.422.581	1.466.577.566	-	19.576.925
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Cộng	1.666.819.022	31.421.940	2.310.362.197	4.310.844.079	3.263.677	368.348.477

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tài, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2019	386.482.048.439	247.920.880.482	15.779.690.737	424.812.968	650.607.432.626
XDCB hoàn thành	18.883.518.274	(23.690.584.005)	-	-	(4.807.065.731)
Tại ngày 31/12/2019	405.365.566.713	224.230.296.477	15.779.690.737	424.812.968	645.800.366.895
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2019	56.487.845.114	66.007.748.079	6.767.725.358	213.764.467	129.477.083.018
Khấu hao trong năm	13.836.115.224	10.800.622.594	480.607.213	58.993.596	25.176.338.627
Tại ngày 31/12/2019	70.323.960.338	76.808.370.673	7.248.332.571	272.758.063	154.653.421.645
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2019	329.994.203.325	181.913.132.403	9.011.965.379	211.048.501	521.130.349.608
Tại ngày 31/12/2019	335.041.606.375	147.421.925.804	8.531.358.166	152.054.905	491.146.945.250

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 313.818.874.712 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.007.026.999 VND.

4.8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phân mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2019	4.857.693.636	68.873.653	4.926.567.289
Mua trong năm	-	172.486.060	172.486.060
Tại ngày 31/12/2019	4.857.693.636	241.359.713	5.099.053.349
Giá trị HMLK			
Tại ngày 01/01/2019	-	52.880.653	52.880.653
Khấu hao trong năm	-	7.200.734	7.200.734
Tại ngày 31/12/2019	-	60.081.387	60.081.387
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2019	4.857.693.636	15.993.000	4.873.686.636
Tại ngày 31/12/2019	4.857.693.636	181.278.326	5.038.971.962

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quyền sử dụng đất tại Lô 7 + Lô 8 Khu B2-54, KĐT sinh thái ven sông Hòa Xuân – GĐ 2, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Nguyên giá TSCĐ VH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 33.333.653 VND.

Giá trị còn lại của TSCĐ VH dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2019 là 0 VND.

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công trình thủy điện Sông Tranh 5	2.900.248.952	2.900.248.952
Công trình thủy điện Đăk Pône - Hồ B	1.411.292.208	535.194.637
Điện gió Tân Lập	1.899.436.985	758.924.096
Dự án kết nối SCADA NMTĐ Đăk Pône	112.320.000	-
Biệt thự PC3-INVEST	158.905.127	-
Cộng	6.482.203.272	4.194.367.685

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	-	-	8.021.929.300	8.021.929.300
Tổng Công ty cơ điện	-	-	2.431.954.000	2.431.954.000
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	100.000.000	100.000.000	6.589.979.255	6.589.979.255
Công ty Cổ phần Cơ khí & Lắp đặt máy Đại Hân	-	-	1.116.114.200	1.116.114.200
Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo	65.994.424	65.994.424	-	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nguyên Phát	98.871.080	98.871.080	-	-
Công ty Bảo hiểm PJIICO Huế	61.152.876	61.152.876	-	-
Công ty CP Tư vấn và Kiểm định xây dựng V.C.L	64.354.050	64.354.050	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Công nghệ	123.552.000	123.552.000	-	-
Các đối tượng khác	124.133.863	124.133.863	1.763.916.073	1.763.916.073
Phải trả người bán là bên liên quan - xem thêm mục 7	49.106.915	49.106.915	25.016.965	25.016.965
Cộng	687.165.208	687.165.208	19.948.909.793	19.948.909.793

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Chi phí lãi vay	345.781.091	340.855.636
Trích trước chi phí Công trình thủy điện Đakrông 1	433.426.103	-
Trích trước chi phí Dự án Biệt thự PC3-INVEST	52.719.127	-
Chi phí khác	31.680.000	-
Cộng	863.606.321	340.855.636

4.12. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tổng Công ty xây dựng Lũng Lô	-	2.727.000.000
Công ty bảo hiểm BIDV	50.110.160	50.110.160
Cổ tức phải trả	2.664.994.500	2.755.760.600
Phải trả khác	97.095.728	553.253.313
Cộng	2.812.200.388	6.086.124.073

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 31/12/2019		Trong năm		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:						
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt	-	-	11.600.000.000	11.600.000.000	-	-
Nợ vay dài hạn đến hạn trả:						
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt	17.247.328.225	17.247.328.225	17.247.328.207	17.154.169.436	17.154.169.454	17.154.169.454
Cộng	17.247.328.225	17.247.328.225	28.847.328.207	28.754.169.436	17.154.169.454	17.154.169.454
Vay dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt	174.955.933.530	174.955.933.530	18.751.725.728	17.247.328.207	173.451.536.009	173.451.536.009
Cộng	174.955.933.530	174.955.933.530	18.751.725.728	17.247.328.207	173.451.536.009	173.451.536.009

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(*) Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD-PC3I ngày 22/10/2014:

- Số tiền vay: 230.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 144 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 06/02/2015).
- Thời hạn ân hạn gốc: 27 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên.
- Lãi suất vay trong hạn: Áp dụng tại từng thời điểm nhận nợ bằng: lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau bình quân 5 Ngân hàng thương mại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB), + biên độ lãi suất là 2,2%/năm. Lãi suất vay trong hạn của chu kỳ đầu tiên được xác định vào ngày bên vay nhận nợ lần đầu tiên (ngày 06/02/2015): 8,72%/năm.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 công suất 12MW tại Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị.
- Bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ công trình Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 công suất 12MW tại xã Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị hình thành từ vốn vay và vốn tự có (bao gồm bất động sản, máy móc thiết bị và các động sản khác).

Chi tiết theo Hợp đồng đảm bảo tiền vay là Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2014/BĐ-PC3I ngày 22/10/2014.

Giá trị tài sản đảm bảo: Tổng giá trị tài sản tính theo Tổng mức đầu tư trước thuế GTGT dự án Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 là 326.203.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Vốn chủ sở hữu****4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2018	303.110.660.000	(35.000.000)	1.131.301.456	41.946.251.718	346.153.213.174
Lãi trong năm trước	-	-	-	26.721.653.592	26.721.653.592
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.818.400.000)	(2.818.400.000)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	(241.200.000)	(241.200.000)
Trả cổ tức	-	-	-	(30.311.066.000)	(30.311.066.000)
Tại ngày 01/01/2019	303.110.660.000	(35.000.000)	1.131.301.456	35.297.239.310	339.504.200.766
Tăng vốn trong năm nay	30.288.250.000	-	-	-	30.288.250.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	18.530.306.167	18.530.306.167
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.109.000.000)	(4.109.000.000)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	(522.000.000)	(522.000.000)
Trả cổ tức	-	-	-	(30.288.250.000)	(30.288.250.000)
Tại ngày 31/12/2019	333.398.910.000	(35.000.000)	1.131.301.456	18.908.295.477	353.403.506.933

4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tổng Công ty điện lực Miền Trung	246.989.600.000	224.536.000.000
Các cổ đông khác	86.409.310.000	78.574.660.000
Cộng	333.398.910.000	303.110.660.000

4.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn góp đầu năm	303.110.660.000	303.110.660.000
Vốn góp tăng trong năm	30.288.250.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	333.398.910.000	303.110.660.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	33.339.891	30.311.066
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.339.891	30.311.066
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.339.891	30.311.066
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.339.891	30.311.066
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.339.891	30.311.066
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần		

4.14.5. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/06/2019 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2018 là 10%/vốn điều lệ bằng cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 3.028.825 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018.

4.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Ngoại tệ các loại:		
USD	12.475,56	51,79

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	463.964.262	673.064.773
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.599.832	32.110
Cộng	465.564.094	673.096.883

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.2. Chi phí tài chính**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.620.000	93.000.674
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.599.832	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm	372.862	7.768
Cộng	7.592.694	93.008.442

5.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lương bộ phận quản lý	6.541.143.488	7.474.660.345
Các khoản khác	3.113.682.610	3.115.419.935
Cộng	9.654.826.098	10.590.080.280

5.4. Thu nhập khác

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ thu hồi vật tư	4.161.462.387	-
Thu từ thanh lý TSCĐ	-	88.788.819
Thu nhập khác	217.936.673	631.700
Cộng	4.379.399.060	89.420.519

5.5. Chi phí khác

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí từ thu hồi vật tư	4.161.462.387	-
Chi phí khác	214.132.673	6.791.170
Cộng	4.375.595.060	6.791.170

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.820.465	37.540.591
Chi phí nhân công	6.541.143.488	7.474.660.345
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.735.351	40.547.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài	666.809.810	508.742.142
Chi phí khác bằng tiền	2.349.316.984	2.528.589.781
Cộng	9.654.826.098	10.590.080.280

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế toàn Công ty	19.120.420.835	28.655.747.963
- Lợi nhuận kế toán trước thuế của 2 nhà máy chuyển về	28.313.471.533	38.583.110.453
- Lợi nhuận kế toán trước thuế tại Văn phòng Công ty	(9.193.050.698)	(9.927.362.490)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lý, hợp lệ)	1.467.627.398	1.240.384.571
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	20.588.048.233	29.896.132.534
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	1.029.402.412	1.800.192.579
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	590.114.668	1.934.094.371
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	1.029.402.412 (439.287.744)	1.934.094.371 -
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền thu từ đi vay	30.351.725.728	53.790.728.551
Cộng	30.351.725.728	53.790.728.551

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay	28.754.169.436	57.123.426.922
Cộng	28.754.169.436	57.123.426.922

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUANDanh sách các bên liên quan

Tổng Công ty Điện lực Miền Trung

Công ty CP Sông Ba

Mối quan hệ

Công ty mẹ

Công ty liên kết của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (Công ty mẹ)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trả trước cho người bán: Công ty CP Sông Ba - xem thêm mục 4.3	-	144.866.500
Cộng	-	144.866.500

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải trả người bán: Tổng Công ty Điện lực Miền Trung - xem thêm mục 4.10	49.106.915	25.016.965
Cộng	49.106.915	25.016.965

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với bên liên quan như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Chi phí bản quyền phần mềm Microsoft	32.539.650	-
Chi phí dịch vụ bảo trì phần mềm	7.559.174	4.939.154
Chi phí đào tạo cán bộ quản lý	41.206.662	18.252.555
Cộng	81.305.486	23.191.709

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.090.691.535	1.397.830.445
Cộng	1.090.691.535	1.397.830.445

8. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	1.543.183.008	1.605.411.082
Cộng	1.543.183.008	1.605.411.082

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Công ty quyết định hồi tố một số khoản mục của Báo cáo tài chính năm 2018 do thay đổi phương pháp tính khấu hao các tài sản cố định thuộc dự án Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 từ phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm sang phương pháp khấu hao theo đường thẳng. Theo đó, kết quả điều chỉnh hồi tố như sau:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu tại ngày	Số liệu tại ngày	Chênh lệch	Ghi chú
		01/01/2019 (trình bày lại)	01/01/2019 (đã trình bày trước đây)		
1. Tài sản cố định hữu hình	221	521.130.349.608	523.293.146.849	(2.162.797.241)	(1)
Nguyên giá	222	650.607.432.626	650.607.432.626		
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(129.477.083.018)	(127.314.285.777)	(2.162.797.241)	
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	35.297.239.310	37.460.036.551	(2.162.797.241)	(1)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	8.575.585.718	8.575.585.718	-	
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	26.721.653.592	28.884.450.833	(2.162.797.241)	

(1) Khoản mục “Giá trị hao mòn lũy kế” trên Bảng cân đối kế toán tăng lên 2.162.797.241 đồng, khoản mục “Tài sản cố định hữu hình” và khoản mục “LNST chưa phân phối kỳ này” trên Bảng cân đối kế toán giảm đi cùng một giá trị tương ứng là 2.162.797.241 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Lương Minh
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Đặng Thị Thu Nga
Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền
Người lập